

Ex: I want to talk to **the girl whose boyfriend is Trung**. (Tôi muốn nói chuyện với cô gái có bạn trai là Trung)

I just bought **a book whose author I met one year ago**. (Tôi mới mua một quyển sách mà tác giả của nó tôi gặp một năm trước)

Bài tập

Sử dụng đại từ quan hệ “whose” viết hoàn chỉnh những câu dưới đây

1) Anh ấy muốn chơi cho một câu lạc bộ có chủ tịch không chuyên quyền độc đoán.

- chairman (c) chủ tịch

- autocratic = dictatorial (adj) độc tài,
chuyên quyền độc đoán

2) Tôi vừa quay về từ một thành phố có cư dân rất thân thiện.

- resident (c) inhabitant: cư dân

- friendly (adj) approachable: thân thiện

3) Cha mẹ tôi không muốn tôi giao thiệp với những đứa bạn có kết quả học tập kém.

- socialise (with) (i) giao thiệp

- learning outcome (c) academic
performance: kết quả học tập

4) Tôi thường đầu tư vào những công ty mà lịch sử kinh doanh tôi đã điều tra kỹ càng.

- invest (in) (i) đầu tư

- investigate (t) examine: điều tra,
nghiên cứu

- track record (c) lịch sử kinh doanh (lỗ,
lãi)

5) Những học sinh có cha mẹ mà tôi đã nói chuyện với thường nhận được nhiều sự chú ý của tôi hơn.

- attention (u) sự chú ý

6) Nó là một công ty mà nhân viên không phải mặc đồng phục ở nơi làm việc

- uniform (c/u) đồng phục

7) Đây là một trong những ngôi nhà có hệ thống điều hòa do tôi lắp đặt.

- air conditioning (u) hệ thống điều hòa - install (t) lắp đặt
